

【東京都】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指 定 野 菜	キャベツ	193	6,800	6,230	97	105	105
	春キャベツ	84	3,100	2,870	97	109	109
	夏秋キャベツ	17	598	559	94	110	110
	冬キャベツ	92	3,100	2,800	98	100	100
	きゅうり	75	2,020	1,800	nc	nc	nc
	冬春きゅうり	10	483	443	nc	nc	nc
	夏秋きゅうり	65	1,540	1,360	nc	nc	nc
	さといも	207	2,730	2,450	100	95	92
	秋冬さといも	207	2,730	2,450	100	95	92
	その他さといも	-	-	-	nc	nc	nc
	だいこん	199	8,050	7,440	96	96	96
	春だいこん	32	1,240	1,140	nc	nc	nc
	夏だいこん	5	98	84	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	162	6,710	6,220	96	94	94
	たまねぎ	35	791	567	nc	nc	nc
	トマト	82	3,550	3,300	nc	nc	nc
	ミニトマト	5	134	117	nc	nc	nc
	加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	冬春トマト	22	1,540	1,470	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	3	90	79	nc	nc	nc
	夏秋トマト	60	2,010	1,830	nc	nc	nc
	夏秋ミニトマト	2	44	38	nc	nc	nc
	夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	なす	68	1,820	1,630	nc	nc	nc
	冬春なす	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋なす	68	1,820	1,630	nc	nc	nc
	にんじん	101	2,900	2,580	100	102	98
	春夏にんじん	8	183	147	nc	nc	nc
	秋にんじん	1	17	13	nc	nc	nc
	冬にんじん	92	2,700	2,420	100	100	98
	ねぎ	124	2,470	1,950	nc	nc	nc
	春ねぎ	5	113	90	nc	nc	nc
	夏ねぎ	4	79	71	nc	nc	nc
	秋冬ねぎ	115	2,280	1,790	nc	nc	nc
	はくさい	78	3,530	2,670	nc	nc	nc
	春はくさい	-	-	-	nc	nc	nc
	夏はくさい	-	-	-	nc	nc	nc
	秋冬はくさい	78	3,530	2,670	nc	nc	nc
	ばれいしょ	196	3,440	2,000	nc	nc	nc
	春ばれいしょ	184	3,280	1,910	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	12	160	94	nc	nc	nc	
ピーマン(しとう舎)	16	214	181	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	-	-	-	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	16	214	181	nc	nc	nc	
ほうれんそう	352	4,150	3,720	101	100	98	
レタス(サラダ菜舎)	24	549	494	nc	nc	nc	
サラダ菜	0	4	4	nc	nc	nc	
春レタス(サラダ菜舎)	16	394	366	nc	nc	nc	
春サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc	
夏秋レタス(サラダ菜舎)	6	120	98	nc	nc	nc	
夏秋サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc	
冬レタス(サラダ菜舎)	2	35	30	nc	nc	nc	
冬サラダ菜	0	4	4	nc	nc	nc	

特 定 野 菜	アスパラガス	1	5	4	nc	nc	nc
	いちご	18	218	204	nc	nc	nc
	えだまめ	156	1,370	1,190	nc	nc	nc
	かぶ	76	1,850	1,750	100	104	102
	かぼちゃ	39	558	295	nc	nc	nc
	カリフラワー	28	532	522	97	93	92
	かんしょ	…	…		nc	nc	
	グリーンピース	-	-	-	nc	nc	nc
	ごぼう	34	585	495	nc	nc	nc
	ごまつな	452	8,360	7,900	99	100	100
	さやいんげん	27	256	174	nc	nc	nc
	さやえんどう	16	80	67	nc	nc	nc
	ししとう	2	23	17	nc	nc	nc
	冬春ししとう	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	2	23	17	nc	nc	nc
	しゅんぎく	19	255	235	nc	nc	nc
	しょうが	10	110	79	nc	nc	nc
	スイートコーン	196	1,860	1,530	nc	nc	nc
	ずいか	11	143	79	nc	nc	nc
	セルリー	0	9	8	nc	nc	nc
	そらまめ	4	23	9	nc	nc	nc
	ちんげんさい	3	60	56	nc	nc	nc
	にら	4	48	11	nc	nc	nc
	にんにく	0	2	2	nc	nc	nc
	ふき	3	15	2	nc	nc	nc
	ブロッコリー	166	1,780	1,640	99	94	91
	みずな	13	177	168	nc	nc	nc
	みつば	1	8	7	nc	nc	nc
メロン	2	22	6	nc	nc	nc	
温室メロン	-	-	-	nc	nc	nc	
やまのいも	9	99	65	nc	nc	nc	
ながいも	9	98	64	nc	nc	nc	
れんこん	-	-	-	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの（例：0.4ha→0ha）、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能